

Ngày	5,050 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.4%	20.8%	8.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,750 - 6,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	353
Số lượng CPLH (CP)	69,999,847
KLGD BQ 20 phiên (CP)	100,567
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.85
EPS	-1,380
P/E	-3.7

DT thuần

Q1/24

385

tỷ VNĐ

QoQ: ▼110| -22.3%

YoY: ▼254| -39.8%

LN trước thuế

Q1/24

-10.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.33| -336%

YoY: ▼21.9| -197%

LN sau thuế

Q1/24

-10.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.11| -192%

YoY: ▼20.3| -213%

ROA

2023

0.5%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

2023

1,806

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,051| -36.8%

LN trước thuế

2023

15.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼30.5| -67.1%

LN sau thuế

2023

11.1

tỷ VNĐ

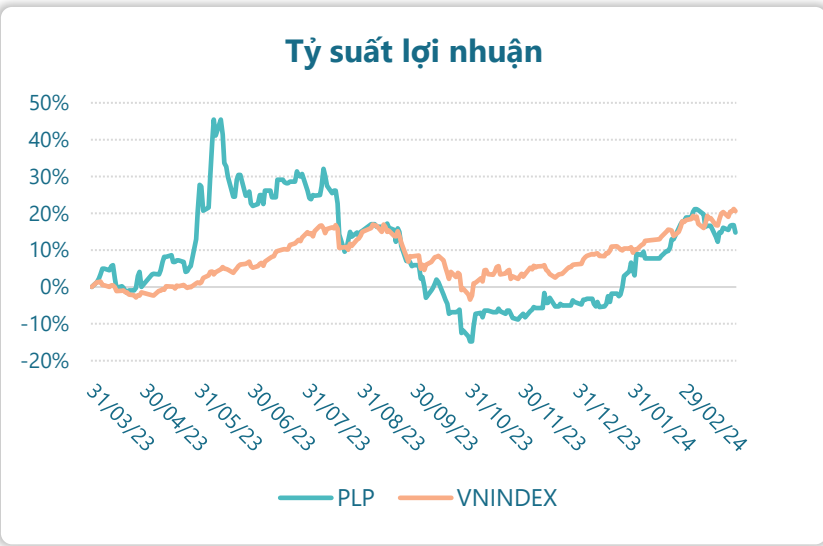
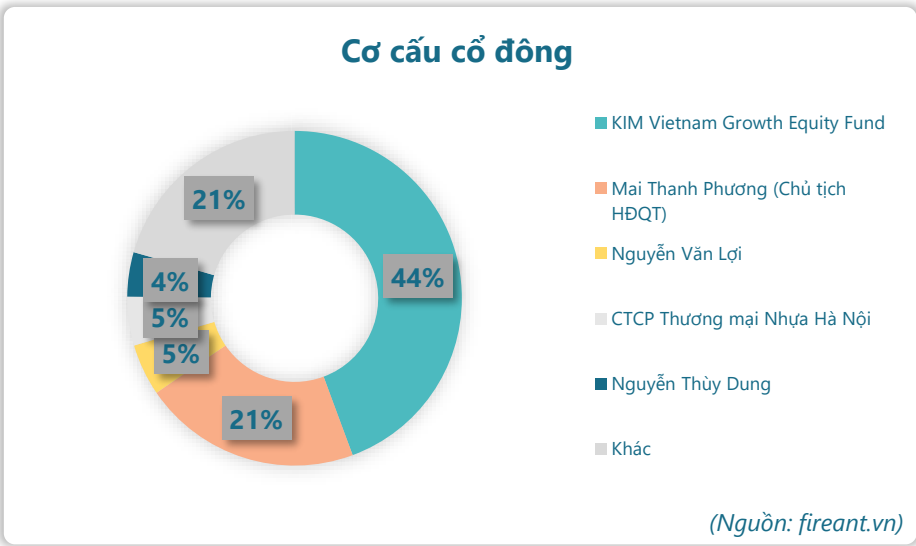
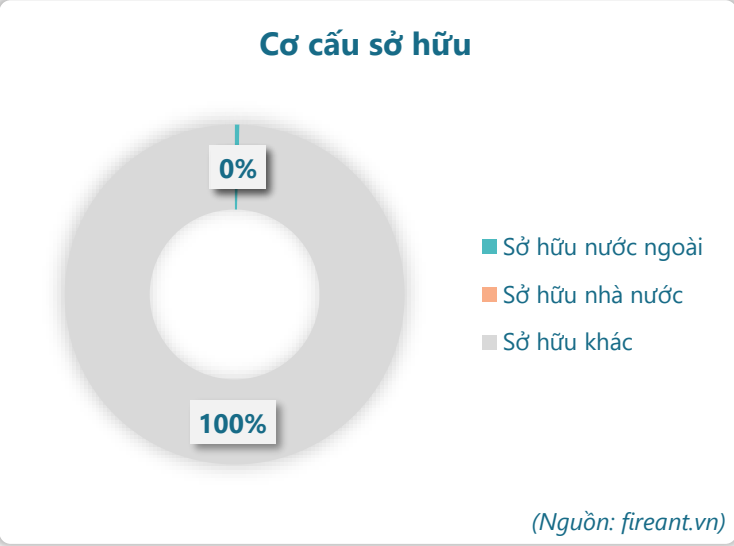
YoY: ▼29.7| -72.8%

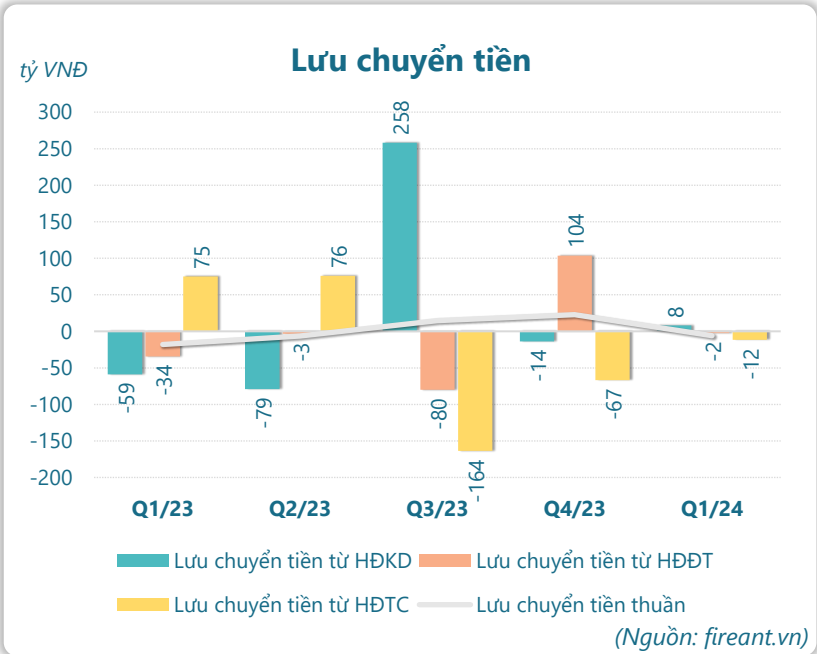
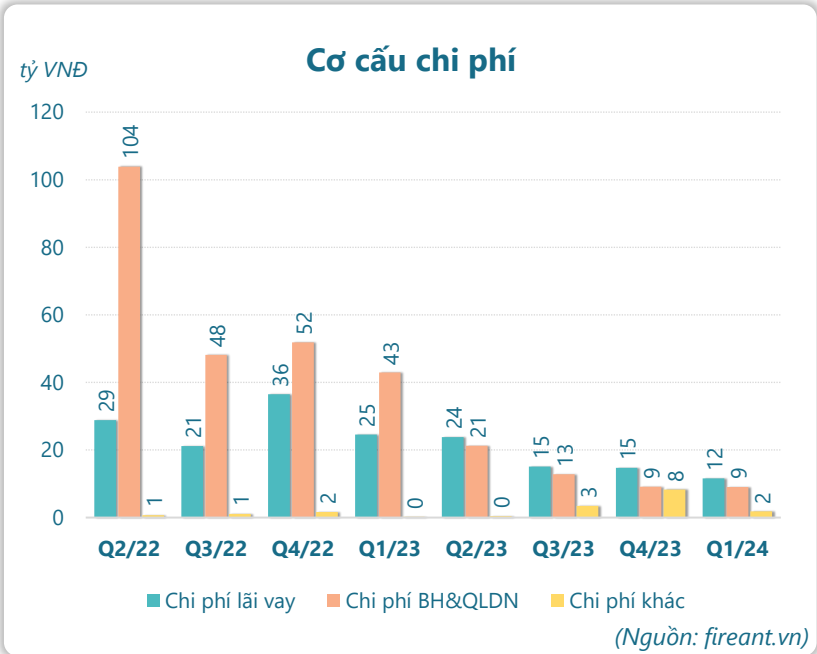
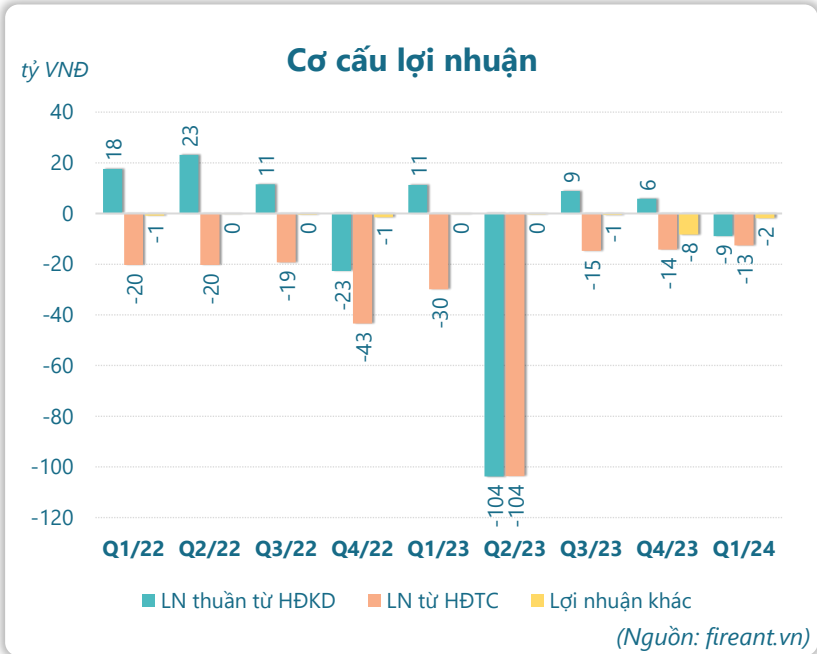
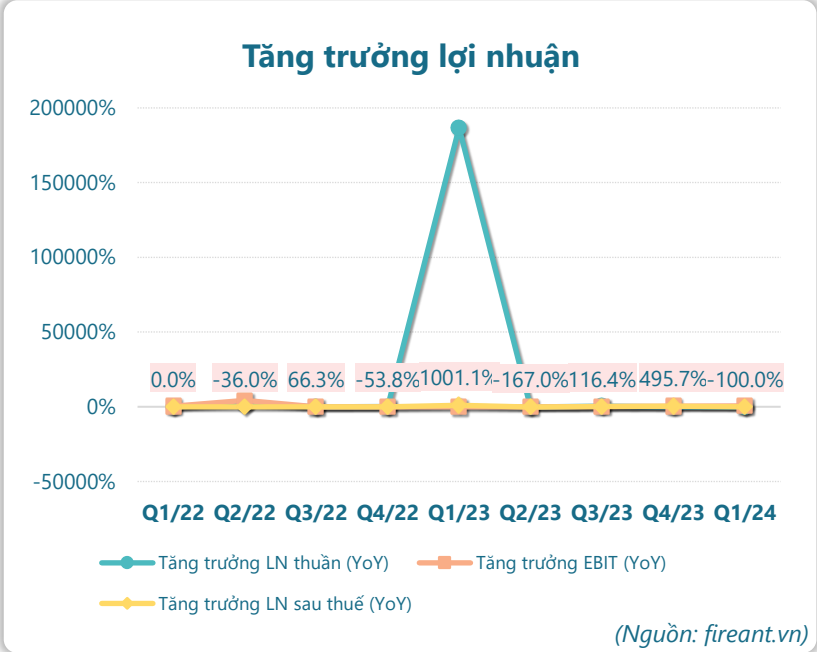
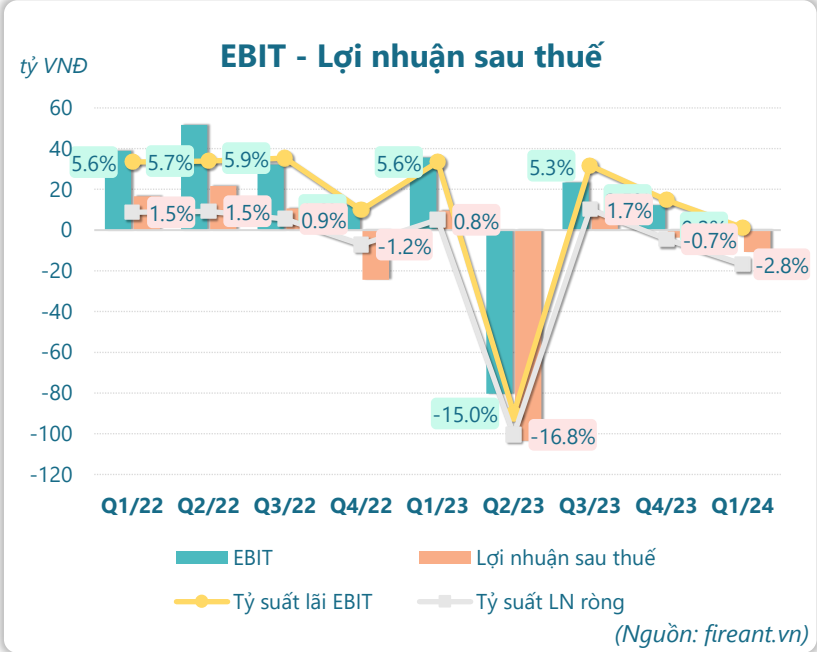
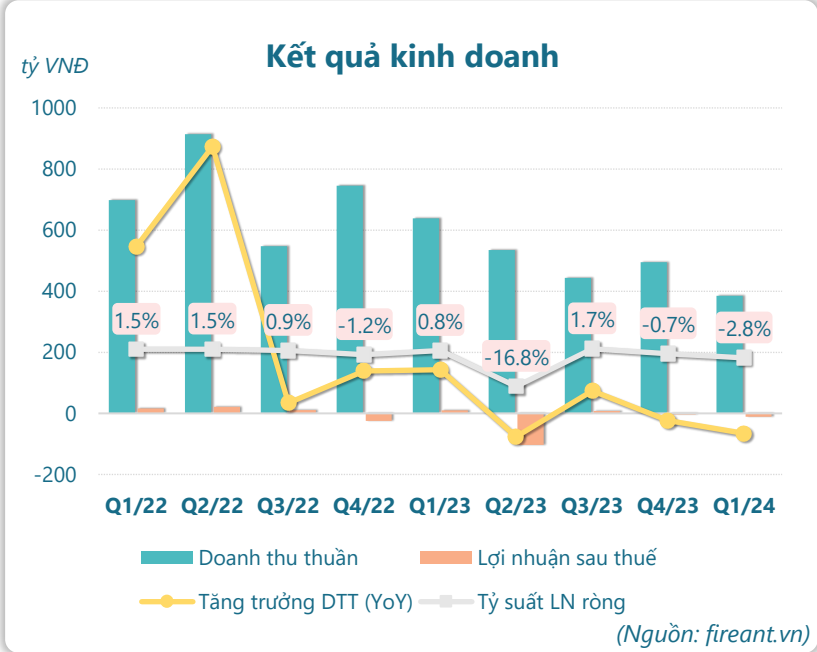
ROE

2023

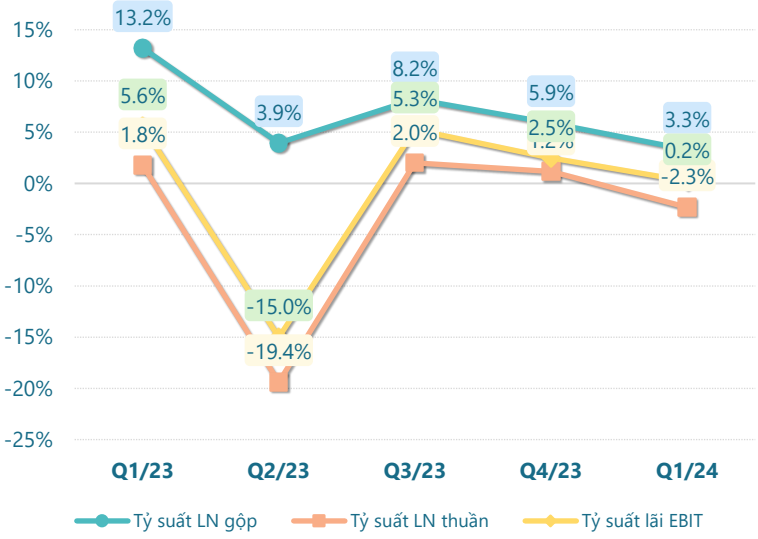
1.1%

+/- YoY: ▼ 2.4%

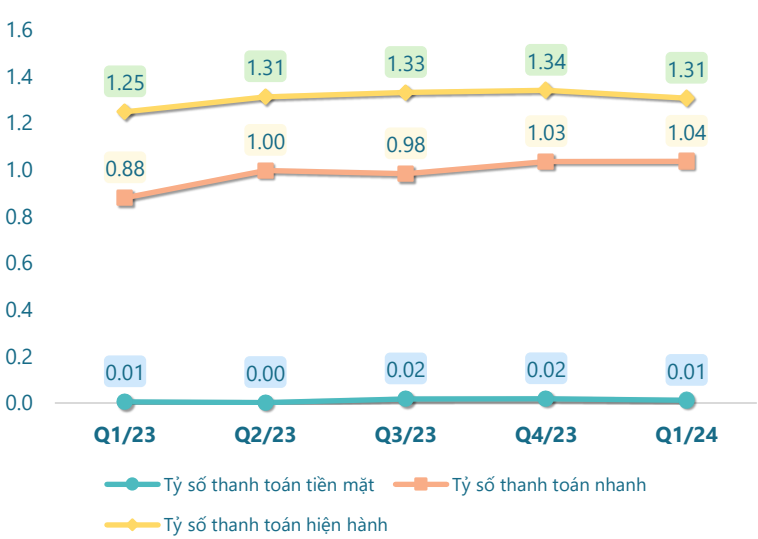




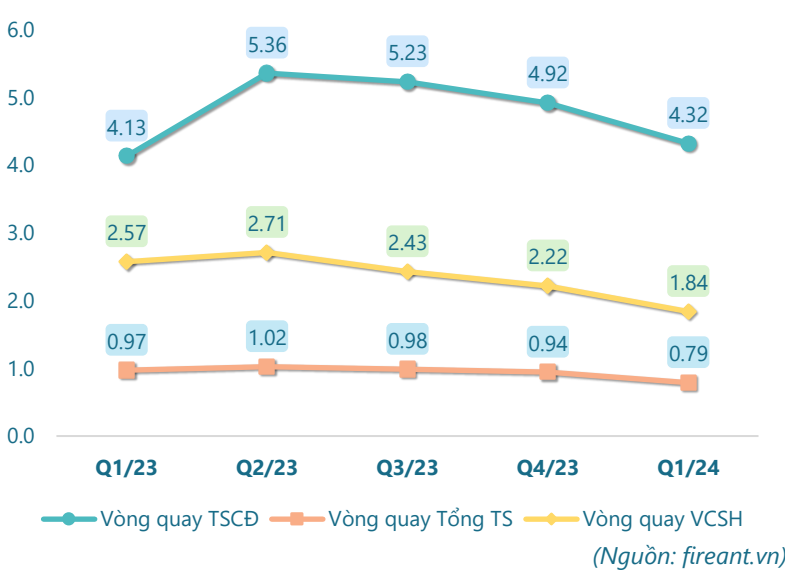
Tỷ suất lợi nhuận



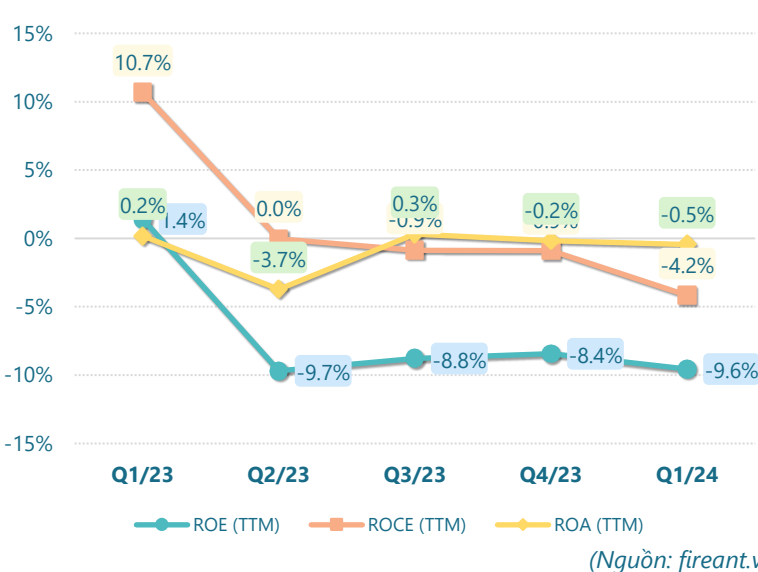
Chỉ số thanh khoản



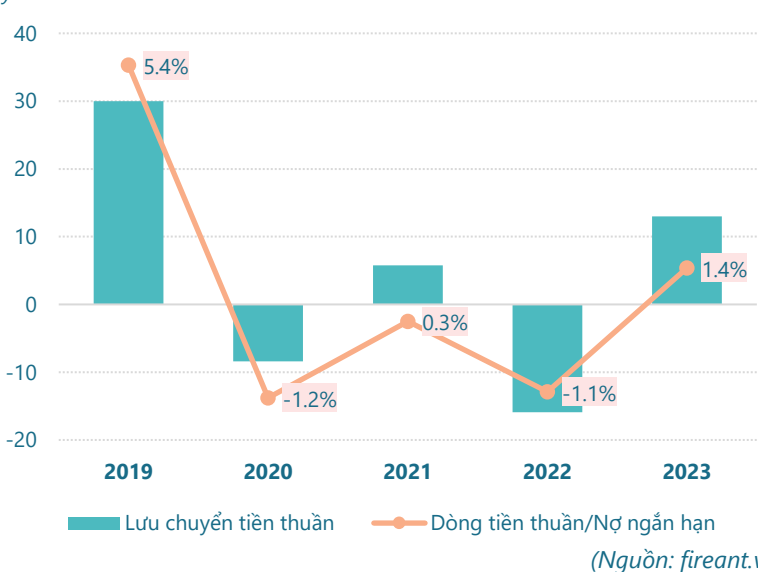
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

